

Bản án số: 03/2026/DS-ST

Ngày: 16/01/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Qui

Bà Hồ Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần L; Địa chỉ: số B, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội). Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Hồ Thanh D – Chức danh: Chuyên viên chính xử lý nợ (có mặt) – Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2025.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Đoàn Mạnh G, sinh năm 1967; Địa chỉ: 8, P, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1979; Địa chỉ: 8, P, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở chính: 103/2 T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ kinh doanh: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ). Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Mạnh G – Chức danh: Giám đốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B – nay là Ngân hàng TMCP L (gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C theo hợp đồng tín dụng số HDTD803202200225, ký ngày 25/01/2022; Các phụ lục hợp đồng tín dụng số PL01 HDTD803202200225, ký ngày 18/02/2022; số PL02 HDTD803202200225, ký ngày 28/02/2022 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/10/2023. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn các khoản vay như sau:

- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 803202200225/01, ngày 26/01/2022: Số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 240 tháng; Định kỳ trả nợ: Gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng; Mục đích vay: Hoàn tiền mua nhà và đất ở thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 16 tại 1 P, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 10%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi.

- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 803202200225/02, ngày 18/02/2022: Số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 240 tháng; Định kỳ trả nợ: Gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng; Mục đích vay: Hoàn tiền mua nhà và đất ở thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 16 tại 1 P, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 10%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi.

- Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 803202200225/03, ngày 28/02/2022: Số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 239 tháng; Định kỳ trả nợ: Gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng; Mục đích vay: Hoàn tiền mua nhà và đất ở thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 16 tại 1 P, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 10%/năm; Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi.

- Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/10/2023: Hạn mức được cấp: 100.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn cấp hạn mức: 36 tháng; Lãi suất: 28%/năm. Lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Tính đến ngày 16/01/2026 thì dư nợ của ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C tổng cộng là 6.190.865.381 đồng, trong đó nợ gốc là 4.586.449.983 đồng, lãi trong hạn là 1.310.262.800 đồng, lãi quá hạn là 157.030.248 đồng, lãi chậm trả lãi là 137.122.350 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C và Công ty TNHH T đã thế chấp bằng 04 Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200022, ngày 25/01/2022, Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL01 HĐTC803202200022, ngày 18/02/2022, phụ lục hợp đồng thế chấp số PL02 HĐTC803202200022, ngày 28/02/2022 và hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200060, ngày 28/02/2022. Cụ thể tài sản như sau:

Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích 391,4 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 45, Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận số phát hành: CV110476, số vào sổ cấp GCN: CS00933 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 29/07/2020. Sau đó chỉnh lý biến động cho ông Đoàn Mạnh G.

Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích 1.272,1 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 45, Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận số phát hành: CT084778, số vào sổ cấp GCN: CH00939 do UBND Thành phố N, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 10/8/2020. Sau đó chỉnh lý biến động cho ông Đoàn Mạnh G.

Tài sản 3: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích 849,0 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 45, Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận số phát hành: CV247180, số vào sổ cấp GCN: CS00808 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 18/3/2020. Sau đó chỉnh lý biến động cho ông Đoàn Mạnh G.

Tài sản 4: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (diện tích 17.119,0 m² đất nông nghiệp khác) tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 45, Khu V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận số phát hành: DB 772796, số vào sổ cấp GCN: CT21953 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 22/7/2021 cho Công ty TNHH T.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay, nhưng ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gây nhiều thiệt hại cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán tất nợ. Trường hợp ông Đoàn Mạnh G và bà Lê Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay.

Bà Lê Thị C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Đoàn Mạnh G trình bày: Thống nhất các khoản nợ như Ngân hàng trình bày, hiện nay ông G và bà C không có khả năng trả nợ nên thống nhất phát mãi tài sản đã thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L khởi kiện ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Buộc bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L tổng số tiền tính đến ngày 16/01/2026 là 6.190.865.381 đồng (Sáu tỷ, một trăm chín mươi triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 4.586.449.983 đồng (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng), lãi trong hạn là 1.310.262.800 đồng (Một tỷ, ba trăm mười triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn là 157.030.248 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, không trăm lẻ ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi chậm trả lãi là 137.122.350 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200022, ngày 25/01/2022, Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL01 HĐTC803202200022, ngày 18/02/2022, phụ lục hợp đồng thế chấp số PL02 HĐTC803202200022, ngày 28/02/2022 và hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200060 ngày 28/02/2022. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, đồng thời đề nghị xử lý tài sản bảo đảm, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của Luật Các tổ

chức tín dụng, Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng thể hiện địa chỉ cư trú của bị đơn trên địa bàn phường T (nay là phường L). Quá trình giải quyết vụ án, các bên cũng thống nhất để Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ) giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét giao dịch tín dụng:

[3.1] Xét các hợp đồng tín dụng số HDTD803202200225, ký ngày 25/01/2022; Các phụ lục hợp đồng tín dụng số PL01 HDTD803202200225, ký ngày 18/02/2022; số PL02 HDTD803202200225, ký ngày 28/02/2022 và Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/10/2023 cùng các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng và bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C. Các giao dịch trên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, quá trình vay vốn bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C có trả một phần vốn gốc. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C trả nợ gốc tính đến ngày 16/01/2026 với tổng số tiền 4.586.449.983 đồng là có căn cứ.

[3.2] Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong giao dịch tín dụng nêu trên thì các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn, quá hạn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm “Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết...”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C trả lãi phát sinh tạm tính đến ngày 16/01/2026 gồm: lãi trong hạn là 1.310.262.800 đồng, lãi quá hạn là 157.030.248 đồng, lãi chậm trả lãi là 137.122.350 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 17/01/2026 cho đến ngày thanh toán tất nợ là có căn cứ.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200022, ngày 25/01/2022, Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL01 HĐTC803202200022, ngày 18/02/2022, phụ lục hợp đồng thế chấp số PL02 HĐTC803202200022, ngày 28/02/2022 và hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200060, ngày 28/02/2022 thế chấp các tài sản tại các thửa đất số: 50, 60, 57, 105. Qua kết quả xem xét thẩm định thể hiện đối với tài sản thế chấp do bị đơn cũng như Công ty TNHH T đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, giao dịch thế chấp đã được công chứng, chứng thực, có đăng ký giao dịch bảo đảm là

phù hợp với Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đất đai năm 2013. Do đó, các giao dịch thế chấp nêu trên phát sinh hiệu lực theo quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tạm tính đến 16/01/2026 tổng cộng là 6.190.865.381 đồng, trong đó nợ gốc là 4.586.449.983 đồng, lãi trong hạn là 1.310.262.800 đồng, lãi quá hạn là 157.030.248 đồng, lãi chậm trả lãi là 137.122.350 đồng và lãi phát sinh từ ngày 17/01/2026 đến khi trả hết nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí tố tụng: Bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L khởi kiện ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản.

[2] Buộc bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L tổng số tiền tính đến ngày 16/01/2026 là 6.190.865.381 đồng (Sáu tỷ, một trăm chín mươi triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 4.586.449.983 đồng (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng), lãi trong hạn là 1.310.262.800 đồng (Một tỷ, ba trăm mười triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn là 157.030.248 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, không trăm lẻ ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi chậm trả lãi là 137.122.350 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Trường hợp bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200022, ngày 25/01/2022, Phụ lục hợp đồng thế chấp số PL01 HĐTC803202200022, ngày 18/02/2022, phụ lục hợp đồng thế chấp số PL02 HĐTC803202200022, ngày 28/02/2022 và hợp đồng thế chấp số HĐTC803202200060 ngày 28/02/2022.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần L được nhận lại số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.680.897 đồng (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) theo biên lai số 0002802 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ).

- Ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C phải chịu án phí số tiền 114.190.865 đồng (Một trăm mười bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng).

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí tố tụng: số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị đơn ông Đoàn Mạnh G, bà Lê Thị C phải nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Ngân hàng Thương mại cổ phần L, ông Đoàn Mạnh G, Công ty TNHH T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2026). Bà Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 12 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền